

2

• ý chí

volonté^F - will^A - 意志 - Theo triết học hiện đại, ý chí là hành động có suy nghĩ và ý thức*. Theo cơ sở cổ điển, ý chí hàm ý: 1- sự kêu gọi các lý do; 2- một sự giải thoát; 3- một sự thực hành. Việc làm tự ý không phải sự thể hiện đột nhiên của sự ưa thích, nó giả thiết một sự suy nghĩ và sự chịu trách nhiệm, cho nên ý chí không tương ứng với lòng ham muốn mạnh nhất (*Herbert*), nhưng vì nó kết thúc sự suy nghĩ đi đến hành động duy lý (*Socrate*, Leibniz**), W. James đã chứng minh rằng ý chí thường gắn liền với ý thức của sự bó buộc xã hội (*chính bốn phận* xã hội bảo ta vào buổi sáng ý chí muốn ra khỏi giường, rất dễ đi tác chiến hơn là nghĩ hút thuốc, bởi vì, trong trường hợp thứ nhất có sự bó buộc xã hội, trong trường hợp thứ hai, một bốn phận đơn giản mà người ta buộc lấy mình...*). Ribot phân biệt hai loại biến loạn của ý chí bởi sự thúc bách tốt bụng (*sự phấn khích thoáng qua*) và bởi không có sự cấm đoán (*không thể chịu đựng được với những cảm dỗ*). Ví dụ những người nghiện rượu và những người uống rượu quá độ. Người không có ý chí thì gọi là *velléitaire* hay *aboulique*. Trong nghĩa đầy đủ, ý chí hàm ý sự ràng buộc tổng thể của cá nhân nối liền với sự nhẫn nại chờ đợi và với nghệ thuật theo đuổi các sự trắc trở để đi đến

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

mục đích... Bản Thể Luận* cho rằng ý chí là trung tâm hoạt động của giác thức* bảo tồn* qua phản tình cảm thuộc về hiện tượng sinh lý gồm có bốn phản ảnh: đức tin*, đam mê*, bản năng* và ký ức*. Ý chí là sức mạnh của Trí Thể* trong sự duy trì cuộc sống con người mà tình cảm là mối dây do Trí Thể buộc con người vào cuộc sống đó.

• ý thức

conscience^F - conscience^A - 意識 - Theo triết học hiện đại, ý thức là cảm tính mà mỗi người có về cuộc sống hiện hữu và về những hành vi của họ. Khái niệm ý thức đầu tiên có một ý nghĩa tâm lý: ý thức phát triển với ký ức* và tự kỷ ám thị. Trong nghĩa này phải có sự ngưng nghỉ của hành động để có một ý thức. Sau đó nó có một nghĩa luân lý đồng hóa với cảm tính bốn phận*. Bản Thể Luận* cho rằng ý thức là trung tâm hoạt động của giác thức* sinh hoạt* qua phản Tình tình thuộc về hiện tượng vật lý gồm có bốn phản ảnh: lý trí, tập quán, liên tưởng và khuynh hướng. Ý thức là khả năng của Trí Thể* nhận diện sự kiện chung quanh cuộc sống mà Tình tình là sự lãnh hội của Trí Thể bộc lộ nơi con người về những sự kiện đó.

• Ý thức hệ tam vô

Le système de conscience des trois sans: sans famille, sans patrie, sans religion^F - the consciouness system of withouts: without family, without country, without religion^A - Thường được dùng làm tuyên ngôn chính của xã hội chủ nghĩa* của Karl Marx* - Lê Nin* với ý nghĩa ba không: không gia đình, không tổ quốc, không tôn giáo* với chiêu bài vô vụ lợi mang tính quốc tế, nhưng khi đi vào thực tế thì đây chỉ là lối xảo trá của một bọn thực dân xâm lược bá quyền* để thỏa mãn tính hưởng thụ cho cá nhân bản thân mà thôi. Khi con người vốn là một nhân thân Tiểu Thiên Địa* thể hiện bằng nhân luân bao gồm nền đạo lý từ nghìn xưa được nhận diện vào thời điểm văn minh* ngày nay qua định nghĩa xác thân* mà chủ thuyết thú vật vô thần này đã nhận chìm con người trong loại thú cầm dơ bẩn kia thì chính những kẻ đề xướng ra cũng chỉ là loại thú cầm, vậy nên từ tháng 10-1917 đến nay chủ thuyết đệ tam quốc tế* này đã gây tang tóc cho nhân loại với bá quyền đảng trị nhưng đã bị các nước Đông Âu và cả lãnh chúa Nga xô bỏ

Đồng Tân

vào sọt rác từ cuối thập niên 1980. Tuy nhiên bọn tôi đòi một số còn lại như Trung cộng, Bắc Hàn, Cuba và nhất là Việt cộng với một chế độ buồn dân bán nước trên đầu cổ dân tộc Việt Nam, đang chờ ngày bọn vong nô cộng sản đền tội trước hồn thiêng sông núi mà thôi bởi trước nạn bá quyền quốc tế chỉ biết tranh nhau vì quyền lợi không còn biết nhân nghĩa đạo lý là gì dù đã qua thiên niên kỷ mới. Thế nên, trong sách Bản Thể Luận* năm 1974, Đồng Tân cho ý biết thức hệ này đã xô nền triết học* Tây phương vốn đã nông cạn vào hố sâu thời tận thế là vậy đó.

• ý tưởng

idée^F - idea^A - 意思 - Theo triết học* Tây phương, ý tưởng là khái niệm mà trí óc hình thành về một vật gì. Ý tưởng có tính chất trí tuệ để phân biệt với cảm tính đơn thuần. Một ý tưởng thật sáng suốt và rõ ràng (*theo Descartes**) có thể tự chứng, tự giải. Các cuộc biện luận triết học dựa theo tính chất ý tưởng. Nó có phải là một biểu thị đơn giản theo kiểu của một bảng kê (*Descartes**)?. Thật sự, người ta không biểu thị một ý tưởng, người ta hiểu nó, và sự tìm hiểu thường do một tỉ lệ trí tuệ. Nói cách khác, ý tưởng trùng hợp với một vận động của trí óc, nó được định nghĩa như một khuynh hướng (*Leibniz**). Về nguồn gốc các ý tưởng, người ta phân biệt các ý tưởng do kinh nghiệm mà Descartes gọi ý tưởng tự sinh và có tính như là ý tưởng tổng quát, chúng do sự lặp lại một số các sự kiện trong một trật tự bất di dịch (*chính là một ý tưởng tổng quát mà sự lạnh đến với mùa đông và sự nóng đến với mùa hè*) và chúng có nguồn gốc trong trí óc con người (*ý tưởng bẩm sinh hay khái niệm tiên thiên*). Ví dụ ý tưởng về bốn phạm* luận lý và công bình đã được ghi trong trí óc trước tất cả mọi kinh nghiệm (*Kant**). Những ý tưởng này không tổng quát, chúng có vũ trụ tính. Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta tạo thành ý tưởng theo bình luận mà mỗi người có thể diễn đạt tự do*; sự diễn tả một ý tưởng khác với sự diễn tả của cảm tính, nhưng không khế hợp với sự cường tín*. Sách Bản Thể Luận* của Đồng Tân ghi rằng ý tưởng là trung tâm sinh hoạt* của giác thức* tiến bộ* thuộc về hiện tượng tâm lý trong tầm hoạt động của tâm hồn gồm bốn phần ảnh: chú ý*, tưởng tượng, cảm giác, cảm xúc. Ý tưởng là sự phát lộ của Trí Thế* trong

sự tiếp xúc với những sự kiện chung quanh và Tâm hồn là môi trường diễn xuất của hiện tượng tâm lý.

• yêu thuật

sorcellerie^F - sorcery^A - 妖術 - Một trong các chi nhánh của ảo thuật riêng thường dùng trong tập tục tà giáo. Yêu thuật có thể quan niệm như tương đương với ảo thuật tạo nên những quyền lực siêu nhiên và sử dụng tất cả các loại gọi là quỷ quyết, phối hợp với Satan*, cầu đảo, bùa chú, buôn bán với quỷ... Yêu thuật cũng xưa như ảo thuật. Người ta thấy nó được diễn tả trên những bức họa tiền sử. Nó trùng hợp với Tổ vật giáo trong các xã hội nguyên thủy: thầy pháp, có khi là một y sĩ, có khi là một giáo trưởng của ma quỷ có uy lực đáng sợ; cho nên yêu thuật thường không thể ở trong tập thể xã hội được. Trong thời Thượng Cổ Đông phương*, nơi những người Hébreu và trong thời Thượng Cổ Hy Lạp, La Tinh, các nữ pháp sư* rất đông và được xem như những vật ma quái. Thời Trung Cổ nảy ra sự tôn thờ ma quỷ với sự thờ phụng* các nữ pháp sư và những lễ sa bát* long trọng trong những rừng thưa chung quanh Satan. Các truyền thuyết thổ phồn sự sợ hãi chung quanh lễ này thường nhại lại các lễ tôn giáo* (*những đêm tại Walpurgis trong phong tục Đức gọi ra những lễ đình đám rượu thịt nay cũng như những lễ trừ phù ngày xưa*). Cho đến năm 1872, người ta đem thiêu các nữ pháp sư. Các Giáo hoàng* nghiêm cấm các việc này và tạo nên những giàn hỏa. Những biên bản Giáo hội và biên bản nhân sự đã cho thấy yêu thuật có cả trong các tu viện* (*nữ tu Versuline tại Loudou, nữ tu Louviers*). Những vụ này chắc là trường hợp bị quỷ ám. Jesus lại đã chẳng xua đuổi các loài quỷ ma? Sự trục tà vẫn là phương pháp rất hiệu nghiệm (*nhưng rất ít được dùng*) trong các sự kiện này. Tại Á châu, Mỹ châu, Úc châu, Phi châu yêu thuật đã đóng vai trò rất lớn và tiếp tục hành hồ các ác tật của mình vẫn còn đến hiện nay trong các rừng rú và cả đến miền đồng quê như tại Barry hay tại Normandie. Các loại bùa thư phù vẫn còn, các kabbale* vẫn còn làm khiếp đảm những linh hồn* yếu đuối. Tại Việt Nam, nhất là các tỉnh miền Bắc vẫn còn lối tà thuật này qua các am miếu đồng bóng và múa hát gọi là châu văn hiện dưới thời cộng sản vẫn còn. Thời

Pháp thuộc, khi Cao Đài giáo* được truyền bá ra đây thì có vài nơi xin nhập môn Cao Đài giáo và tình nguyện hiến cúng* am miếu này đổi lại làm Thánh Thất Cao Đài*, không còn sinh hoạt mê tín nữa, điển hình như Thánh Thất Hải Phòng trước năm 1940 là một am nổi tiếng. Tân pháp Cao Đài có khả năng triệt hạ các tổ chức yêu thuật này dưới bất cứ hình thức quái dị nào. Cũng có thể xem trò quỷ nhập tràng nhân ngày lễ Khai Minh Đại Đạo* ở Tây Ninh năm 1926 cũng như các biến cố tà mị trong các kỳ đàn cơ* trong các chi phái* Cao Đài giáo là những hiện tượng Đạo hưng thì tà khởi hay vô ma khảo bất thành Đại Đạo, một thông lệ đã có nơi bất kỳ một chánh giáo* nào từ nghìn xưa đến nay.

• yoga

Tiếng Phạn có nghĩa là sự hợp nhất, phương pháp thực hiện sự tự chủ bởi một sự luyện tập thân thể rất nghiêm khắc với mục đích đạt được sự nhận diện thực tại có thể hoặc là sự biết cái ngã* không còn bị những ràng buộc, hoặc là tìm kiếm các thần lực hay sự hợp nhất thân bĩ* với Thần linh*, sự xuất thần*. Yoga là một trong sáu hệ thống Ấn Độ giáo* (*Daršana*). Nó được diễn tả trong sách Yoga Sutras của Patanjali hồi thế kỷ thứ IV, nhưng nó lại rất xưa và hình như thuộc thành phần của một trào lưu thần bí tự trị của lễ chế Vệ Đà* chưa được khám phá. Nó được thực thi bởi những người đạo Mahavira* và Phật giáo*; thường thì nó được khai triển một cách độc lập từ các giáo phái* và các giai cấp dưới những hình thức khác nhau từ thời Ấn Độ anh hùng* ca và cổ điển, lúc đó, yoga là một thể lực liên kết với cái biết của Vệ Đà. Nó là một sự tập luyện thể xác với Nath yoga bởi một kỹ thuật rất tinh luyện của sự thở (*pranayama*), cách tọa thiền (*asana*), sự tạo dựng thăng bằng của cơ thể và với tập luyện liên tục dẫn tới sự tự chủ sinh lý (*nhưng sự tập luyện này có thể rất nguy hiểm nếu không do một thầy hướng dẫn*). Nó cũng là một lối tập luyện tinh thần và tập trung tư tưởng hay tịnh luyện* và một kỷ luật luân lý bằng sự cố gắng khắc khổ và thực hành đạo đức*. Đó là phép Raja yoga đưa đến samadhi hay giải thoát*. Yoga tantrique thì thi trên khái niệm của bảy chakra hay hoa sen (*trung tâm năng lực của tủy sống*) chấm dứt ở trên đỉnh ót, tại đó có Brahman* (*Thượng Đế**) ở căn bản tọa

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

thị của Kundalini, con rắn cuộn tròn, biểu hiện của Nữ thần Thiên lực Vũ trụ mà kỹ thuật yoga phải khởi động và làm cho tăng dần đến đỉnh nơi có sự qui nhứt* thần bí, người ta gọi đó là Kundalini yoga hay Laya yoga. Người ta cũng so sánh yoga là thực thi của tất cả vật thể với các phương pháp xuất thần khác (*đạo, hésiychasme*), nhưng trong các hình thái khác nhau, người ta phải nhìn nhận yoga mang đặc tính Ấn Độ. Người thực thi nó, người yogin, thật sự là một nhà tu khổ hạnh. Đây là một phương pháp thiền mang tính chất thần bí, đặc trưng của Ấn Độ, tuy nhiên nó khiến cho những người tu luyện dễ bị lầm với các bí pháp* tâm truyền của tôn giáo* nói chung. Cho nên cũng có người tu theo phần Vô Vi một thời gian khá lâu không cảm nhận được Chánh pháp Cao Đài vì bản thân hành nghề phải tiếp xúc bệnh tật (*xem Toàn Chơn Đản*) lại tự cho là lối tu Vô Vi chỉ là lối luyện tập yoga không hơn không kém. Đó là một sự ngộ nhận, sự sai lạc trên đường lối tu học của họ không đi đến kết quả, rồi tự biện minh cho hành tàng của mình chẳng tới đâu. Pháp tu Vô Vi của Cao Đài giáo* hoàn toàn không có sự luyện tập lộ liễu như yoga mà chỉ ở nơi kín đáo thường không cho những người khác biết được. Sự đặc đạo* ít nhiều cũng tự họ biết chứ không nói với một ai. Tất cả những gì hữu hình đến với họ đều là giả tượng mà chỉ có phần huyền diệu* tâm đức mới đáng quý mà thôi.

• Young. Brigham Young

(1801-1877)

Nhà lãnh đạo tôn giáo* Hoa Kỳ thứ nhì của Mormon giáo*. Ông sinh năm 1801 và lớn lên tại Nữu Ước. Ông đã gặp người bạn của J. Smith* và được nhập môn vào nền đạo mới này. Năm 1833, ông gặp J. Smith và đã được giao phó sứ mạng truyền đạo sang Gia Nã Đại. Năm 1835, tín đồ Mormon* thành lập giáo hội gồm 12 tông đồ trong đó có Young. Năm 1836, Young được bầu làm Giáo trưởng có quyền uy trong thời thẩm sát (1838). Từ 1839 đến 1841, ông truyền giáo tại Liverpool, Anh quốc và lo di tản 70.000 tín hữu từ Âu châu sang Hoa Kỳ... Sau khi J. Smith bị ám sát năm 1844, Young được bầu là nhà lãnh đạo Mormon giáo. Năm 1846-1847, ông tổ chức di tản khoảng 5000 tín đồ Mormon về thung lũng Great Salt Lake và thành lập Great Salt Lake City (7-1847) và ông

Đồng Tân

được bầu giáo trưởng Giáo hội Mormons tại đây... Nhưng cũng đồng bệnh đa thê như J. Smith, một căn bệnh bị cấm đoán bởi nhà cầm quyền Hoa Kỳ, những năm tháng cuối đời, Young chỉ còn hoạt động trong giáo hội tại Utah. Kể ra đời ông đã cưới tất cả 27 lần nhưng chỉ còn 17 bà vợ với 57 cháu. Ông mất năm 1877.

Hội Văn Hóa Cao Đài - Đồng Tân Trần Thái Chân